

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 375/BTC-QLCS

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2025

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới
Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV.

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương.

Bộ Tài chính đã nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Bình Dương do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 18/BDN ngày 14/01/2025 của Ban Dân nguyện và Công văn số 687/VPCP-QHĐP ngày 24/01/2025 của Văn phòng Chính phủ. Về nội dung này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về nội dung kiến nghị: Thời gian qua, Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Dương đã tổng hợp, nhiều lần gửi kiến nghị đến Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc mở rộng đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất và đã được trả lời tại các văn bản: Công văn số 8522/BTC-QLCS ngày 10/8/2023 của Bộ Tài chính và Công văn số 1582/BTNMT-PC ngày 14/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hiện nay, việc miễn, giảm tiền sử dụng đất được quy định tại Điều 157 Luật Đất đai và Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế đối tượng được miễn, giảm và chưa đáp ứng được yêu cầu của các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hộ gia đình nghèo theo quy định chuẩn nghèo của quốc gia và cấp tỉnh. Do đó, cử tri tiếp tục kiến nghị Chính phủ nghiên cứu mở rộng đối tượng được thụ hưởng chính sách, chế độ miễn, giảm và được ghi nợ tiền chuyển mục đích sử dụng đất nhằm hỗ trợ các trường hợp chưa có đất thổ cư đối với hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hộ gia đình nghèo, tạo điều kiện ổn định cuộc sống.

Bộ Tài chính xin trả lời như sau:

Vừa qua, thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; theo đó, tại Điều 18, Điều 19 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 đã có quy định cụ thể, đầy đủ về miễn, giảm tiền sử dụng đất, trong đó có đối tượng là hộ nghèo, người nghèo; mở rộng đối tượng được ghi nợ tiền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai. Theo đó, người nghèo khi

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đối với đất đang sử dụng, đất được nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất) mà có nhu cầu ghi nợ tiền sử dụng đất thì được ghi nợ theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024, khoản 11 Điều 18 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024.

2. Về nội dung kiến nghị: Theo khoản 3, Điều 135 Luật Đất đai 2024 có quy định: “3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất chỉ được cấp sau khi người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không thuộc đối tượng phải thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc được miễn, được ghi nợ nghĩa vụ tài chính thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp sau khi cơ quan có thẩm quyền xác định không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc được miễn, được ghi nợ nghĩa vụ tài chính; trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định cho thuê đất, ký hợp đồng thuê đất”. Theo khoản 3, Điều 157, Luật Đất đai 2024 có quy định: “Đối với trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì không phải thực hiện thủ tục xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được miễn. Người sử dụng đất được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất không phải thực hiện thủ tục đề nghị miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất”. Theo quy định các trường hợp không thuộc đối tượng phải thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc được miễn... do cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc được miễn... và các trường hợp được miễn tiền sử dụng đất thì không phải thực hiện các thủ tục đề nghị miễn. Tuy nhiên, Luật không đề cập đến cơ quan nào là cơ quan xác định việc miễn tiền sử dụng đất và căn cứ vào hồ sơ tài liệu nào để xác định việc miễn tiền sử dụng đất. Đề nghị có quy định rõ hơn nội dung này.

Bộ Tài chính xin trả lời như sau:

Tại khoản 3 Điều 157 Luật Đất đai 2024 có quy định: “Đối với trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì không phải thực hiện thủ tục xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được miễn. Người sử dụng đất được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất không phải thực hiện thủ tục đề nghị miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất”.

Việc xác định đối tượng được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được xác định từ thời điểm phê duyệt chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư, quyết định giao đất, cho thuê đất, ký hợp đồng thuê đất. Do đó, xác định đối tượng được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thuộc trách nhiệm của cơ quan đầu tư và cơ quan tài nguyên môi trường địa phương.

3. Về nội dung kiến nghị: Tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 103/24/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định: “3. Việc miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Điều 39 và Điều 40 Nghị định này được thực hiện theo từng dự án đầu tư và chỉ được thực hiện trực tiếp đối với đối tượng được Nhà nước cho

thuê đất và tính trên số tiền thuê đất trừ trường hợp thuộc đối tượng miễn, giảm theo quy định tại Điều 157 Luật Đất đai nhưng không phải lập dự án đầu tư. Người sử dụng đất nộp giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.”. Tại Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 đề cập đến đất sử dụng cho khu kinh tế, khu công nghệ cao. Tuy nhiên chưa quy định rõ mức miễn, giảm tiền thuê đất đối với tổ chức đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đầu tư sản xuất, kinh doanh trong Cụm công nghiệp. Để đảm bảo tính thống nhất công bằng trong việc sử dụng đất tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp và đảm bảo sự đồng bộ quy định pháp luật trong áp dụng chính sách ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất đối với tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đầu tư sản xuất, kinh doanh trong Cụm công nghiệp, đề nghị có quy định cụ thể mức miễn, giảm tiền thuê đất đối với tổ chức đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đầu tư sản xuất, kinh doanh trong Cụm công nghiệp.

Bộ Tài chính xin trả lời như sau:

Pháp luật về đất đai hiện hành (khoản 3 Điều 39, Điều 40 Nghị định số 103/24/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ) đã có quy định về miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đầu tư; theo đó, tổ chức thực hiện dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư, lĩnh vực ưu đãi đầu tư (danh mục được quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021) thì được xem xét miễn, giảm tiền thuê đất.

Tại Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 đã quy định cụ thể danh mục ngành, nghề được ưu đãi đầu tư và danh mục ngành, nghề được đặc biệt ưu đãi; Phụ lục III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 đã quy định cụ thể địa bàn ưu đãi đầu tư.

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đầu tư sản xuất, kinh doanh trong Cụm công nghiệp thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư thì được xem xét miễn, giảm tiền thuê đất. Trường hợp cần có quy định cụ thể mức miễn, giảm tiền thuê đất đối với tổ chức đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đầu tư sản xuất, kinh doanh trong Cụm công nghiệp khác với quy định tại khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai thì đề nghị cử tri tỉnh Bình Dương kiến nghị UBND tỉnh có ý kiến với Bộ Tài chính theo đề nghị tại Công văn số 1060/BTC-QLCS ngày 23/01/2025 để Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét trong quá trình xây dựng chính sách miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024.

4. Về nội dung kiến nghị: Theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ và pháp luật có liên quan, UBND tỉnh cần phải ban hành 07 bộ định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá sản phẩm cho các hoạt động thuộc phạm vi quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh trước đây do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. Việc này, địa phương cần phải mất rất nhiều thời gian để cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng, học hỏi kinh nghiệm trước khi triển khai xây dựng, khó đáp ứng được yêu cầu để tổ chức thực hiện đồng bộ với quy định của Luật Đất đai năm 2024 và các Nghị định quy định chi tiết, Thông tư hướng dẫn thi hành. Do đó, đề nghị điều chỉnh quy định trên cho phù hợp.

Bộ Tài chính xin trả lời như sau:

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và khoản 2 Điều 37 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ công do nhà nước quản lý; định mức chi phí (nếu có) làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên thực tế, việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật mỗi ngành nghề, lĩnh vực được thực hiện thống nhất trên cả nước. Hiện nay, một số bộ, ngành đã ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật theo lĩnh vực quản lý của bộ, ngành áp dụng đối với các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương như: xây dựng, tài nguyên môi trường, y tế, thông tin truyền thông, văn hóa, lao động... Do đó, trường hợp các bộ, ngành đã ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thì địa phương căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật của bộ, ngành đã ban hành để làm cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

Xuất phát từ tình hình thực tế nêu trên, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; trong đó, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 37 theo hướng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật của các lĩnh vực đã được các bộ, cơ quan trung ương ban hành để áp dụng làm cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định pháp luật khác có liên quan để làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Trên đây là trả lời của Bộ Tài chính đối với kiến nghị của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương, trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương;
- Đ/c Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Đ/c Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Bộ;
- Cục THTK (để đăng tải công TTĐT);
- Lưu: VT, QLCS. *CS*

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thắng
Nguyễn Văn Thắng